

ĐẠI LỄ DÂNG Y KATHINA CỦA PHẬT GIÁO NAM TÔNG

Tóm tắt: Lễ dâng y Kathina có từ thời Đức Phật tại thế và được duy trì đến ngày nay, trở thành một trong số những lễ hội quan trọng của Phật giáo Nam tông. Tuy có một số thay đổi cho phù hợp với xã hội hiện đại, nhưng việc thọ y và cách thức trao nhận y Kathina đều tuân thủ những quy định được ghi lại trong Tạng Luật. Trong bài viết này, tác giả tập trung nghiên cứu nguồn gốc, ý nghĩa và đặc trưng của y Kathina và nghi thức dâng y.

Từ khóa: Kathina; Phật giáo Nam tông; lễ dâng y.

Mở đầu

Trong truyền thống, Phật giáo Nam Tông có ba ngày lễ lớn, đó là rằm tháng Giêng (*Māghapūjā*), rằm tháng Tư (*Vesākḥapūjā*) và rằm tháng Sáu (*Āsalhapūjā*). Đây là các nghi lễ đánh dấu những sự kiện trọng đại xảy ra trong cuộc đời Đức Phật. Tuy nhiên, đây là những lễ hội được hình thành sau thời Đức Phật tại thế. Cho đến hiện tại, lễ hội được gìn giữ và truyền thừa từ thời Đức Phật chính là lễ dâng y Kathina. Đại lễ dâng y Kathina mang một ý nghĩa quan trọng trong việc gìn giữ những quy định học giới từ thời Đức Phật ban hành, mà còn là một mối liên kết giữa hàng tu sĩ xuất gia và tại gia cư sĩ để chung tay duy trì và phát huy giáo pháp của Đức Phật Gautama.

1. Nguồn gốc

Theo bộ Đại phẩm (*Mahāvagga*), chương Kathina (*Kaṭṭhinakkhandhaka*)¹ ghi lại câu chuyện Đức Thế Tôn cho phép chư tăng thọ nhận y Kathina như sau: Thuở ấy, Đức Thế Tôn đang

* Tỳ khưu Định Phúc, chùa Trúc Lâm, 154B Đặng Nguyên Căn, phường 13, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.
Ngày nhận bài: 28/9/2021; Ngày biên tập: 11/01/2021; Duyệt đăng: 25/01/2021.

trú tại tự viện Jetavana của ông Anāthapiṇḍika tại thành Sāvatti. Khi đó, có ba mươi vị tỳ khuru ở xứ Pāveyya đều là những vị tỳ khuru đang thọ trì các hạnh đầu đà. Khi ấy, gần đến thời gian bắt đầu ba tháng an cư mùa mưa, các vị đang trên đường đi về tự viện Jetavana để đánh lễ Đức Thế Tôn. Nhưng khi đến xứ Sāketa, đã vào ngày mười sáu tháng Sáu, nghĩa là bắt đầu ba tháng an cư mùa mưa, nên các ngài phải ở lại xứ Sāketa và an cư ba tháng tại đây. Rồi ba tháng an cư cũng trôi qua, sau khi cử hành lễ Tự tứ (*Pavāraṇā*) vào ngày Rằm tháng Chín, các vị tỳ khuru tiếp tục hành trình hướng về tự viện Jetavana để đánh lễ Đức Thế Tôn như tâm nguyện ban đầu. Thời tiết cuối mùa mưa, trời vẫn còn mưa nhẹ, những con đường vẫn lầy lội và nhiều vũng nước nên lộ trình của chư tỳ khuru mặc trên mình tam y càng thêm vất vả. Cuối cùng, chư tỳ khuru cũng đến được tự viện Jetavana với các y đầm ướt bùn sinh, mệt mỏi vì lộ trình vất vả. Sau khi đánh lễ Đức Thế Tôn xong, chư vị đã thuật lại sự việc bị lỡ hành trình và thời gian an cư mùa mưa tại Sāketa. Sau đó, Đức Thế Tôn đã thuyết pháp đến ba mươi vị tỳ khuru. Cuối thời pháp, tất cả ba mươi vị đều chứng đắc Thánh quả A la hán. Do nhân duyên câu chuyện của ba mươi vị tỳ khuru, Đức Thế Tôn đã dạy các tỳ khuru rằng: “Này chư tỳ khuru, Như Lai cho phép chư tỳ khuru đã an cư nhập hạ suốt ba tháng mùa mưa xong, được thọ y Kaṭhina”.²

Mặc dù nghi lễ Kaṭhina không được tìm thấy trong câu chuyện duyên khởi nhưng từ câu chuyện này, có thể suy luận chính xác rằng truyền thống thọ nhận Kaṭhina bắt nguồn từ sự quan tâm của Đức Thế Tôn đối với chư tỳ khuru. Bởi vì Kaṭhina được cho phép là vì lợi ích dành cho chư tỳ khuru. Và đây cũng là thời gian đặc biệt để chư tỳ khuru thọ nhận y Kaṭhina.

2. Ý nghĩa của Kaṭhina

“Kaṭhina” là một từ Pāli, vừa là danh từ, vừa là tính từ, được phiên âm là *cathi-na*, *ca-hi-na*, *kiết-sĩ-na*, *kiết-xĩ-na*... và mang nhiều ý nghĩa khác nhau. Theo *Từ điển tiếng Pāli - Anh* (Pāli - English Dictionary), Kaṭhina có ba nghĩa: thô cứng, vững chắc, bền vững; tấm vải được các cư sĩ cúng dường đến các tỳ khuru để may y

cà sa sau mùa an cư hằng năm; còn có nghĩa là một khung gỗ được các tỳ khuru sử dụng để may y cà sa.³ Còn theo *Từ điển rút gọn tiếng Pāli – Anh* (Concise Pāli - English Dictionary), Kathina được Hòa thượng Bửu Chơn dịch là: cứng, dai, thô thiển; áo cà sa dâng đến chư tăng mỗi năm.⁴

Trong *Luật Xuất gia tóm tắt*, Hòa thượng Hộ Tông giải thích về Kathina: “Tiếng Kathina là một tiếng trong Phật giáo phát sanh theo lời chuẩn hành của Đức Thế Tôn để buộc chặt năm quả báu thành tựu đến tỳ khuru, người thọ và người *anumodanā*⁵, cho đến hết hạn kỳ quả báu ấy”.⁶

Theo định nghĩa ban đầu, Kathina không phải là tên gọi tấm y cà sa cúng dường đến chư tỳ khuru sau khi mãn an cư ba tháng mùa mưa, mà Kathina chỉ có nghĩa là bền vững, chắc chắn (tính từ); và chỉ là khung gỗ (danh từ) để các tỳ khuru may y.

Như vậy, từ Kathina nguyên thủy chỉ đơn giản là một cái khung để căng vải được chư tỳ khuru sử dụng trong lúc may y Kathina cho được vuông vức các điều, hoặc chỉ có nghĩa là thô cứng, kiên chắc. Rồi qua thời gian, Kathina được mọi người hiểu là tên gọi của tấm y cúng dường đến chư tỳ khuru sau khi các vị ấy hoàn mãn ba tháng an cư mùa mưa. Theo *Luật Bắc truyền* thì Kathina được diễn giải theo ý, gọi là y công đức.

3. Những nét đặc trưng của y Kathina

Cúng dường y Kathina cần tuân thủ những quy định cụ thể, như: vị tỳ khuru không được ngỏ lời về tấm y Kathina, cúng dường y Kathina là cúng dường đến Tăng chúng chứ không phải dành cho cá nhân một vị tỳ khuru nào, và thời gian cúng dường y để làm y Kathina phải đúng vào tháng cuối cùng của mùa mưa.

3.1. Vị tỳ khuru không được ngỏ lời về tấm y Kathina

Theo Luật mà Đức Thế Tôn quy định, vị tỳ khuru không được xin hoặc yêu cầu y cà sa từ các gia chủ, ngoại trừ đó là quyền thuộc hoặc là những người đã ngỏ lời trước với vị tỳ khuru ấy.⁷ Tuy nhiên, đối với tấm y cà sa dùng để làm y Kathina cho chư tỳ khuru thì

không thể được ngỏ lời yêu cầu. Tắm y Kaṭhina này phải được thanh tịnh như từ trên hư không rơi xuống⁸ thì việc thọ y Kaṭhina của chư tỳ khuru mới đạt thành tựu.

Một trong những nguyên nhân khiến cho việc thọ y Kaṭhina của chư tỳ khuru không đạt thành tựu chính là do việc gọi ý cho thí chủ (*parikathākata*). Ví dụ, vị tỳ khuru gọi ý cho thí chủ việc cúng dường y Kaṭhina vì chùa mình chưa có thí chủ, hoặc vì việc cúng dường đó là hợp thời, có nhiều phước báu... Việc gọi ý như vậy làm sai lệch ý nghĩa của việc dâng y Kaṭhina. Đây cũng là vấn đề xảy ra ở một vài chùa, một số vị tỳ khuru do không hiểu về Luật, chùa không có thí chủ, hoặc vì muốn có thêm nhiều thí chủ nên thường kêu gọi các thí chủ hùn phước dâng y Kaṭhina. Việc làm này rõ ràng là đi sai với lời Phật dạy, trái với Luật quy định. Cũng tương tự như vậy, trong *Luật Tứ phần*, y có được do sự tà mạng, do lời nói gọi ý, hoặc ra dấu để thí chủ cúng dường đều không thể thọ làm y Kaṭhina được.⁹

3.2. Cúng dường y Kaṭhina là cúng dường đến tập thể tăng (saṅghikadāna)

So với việc dâng cúng y cà sa bình thường thì việc dâng cúng y Kaṭhina đòi hỏi nhiều thủ tục và điều kiện ràng buộc. Ví dụ: gia chủ có tắm y, muốn cúng dường vị nào mình tôn kính hoặc nơi ngôi chùa nào mình tịnh tín đều được. Nhưng với y Kaṭhina, việc cúng dường được gọi là Tăng thí (*saṅghikadāna*), tức là cúng dường đến tập thể tăng chứ không phải nhân danh một cá nhân vị tỳ khuru nào. Cũng là một tắm y cà sa, nhưng cúng dường đến vị tỳ khuru đích danh thì đó gọi là cá nhân tuyền thí (*puggalikadāna*), phước báu sẽ hạn hẹp hơn. Còn cúng dường y cà sa để chư tỳ khuru làm y Kaṭhina thì y đó gọi là bố thí đến tăng chúng, do tăng chúng quyết định vị thọ nhận, phước báu sẽ tốt đẹp, hoan hỷ hơn.

3.3. Thời gian cúng dường y Kaṭhina (kāladāna)

Việc cúng dường y cà sa thông thường có thể được thực hiện vào bất cứ thời gian nào, nhưng cúng dường y Kaṭhina thì phải

đúng thời gian cho phép. Trong văn hóa Ấn Độ, một năm được chia ra làm ba mùa: mùa nóng (*gimha*), mùa mưa (*vassa*) và mùa lạnh (*hemanta*), mỗi mùa có bốn tháng. Thời gian chư tăng an cư mùa mưa là ba tháng. Và tháng cuối mùa mưa chính là thời gian mà Đức Thế Tôn cho phép chư tỳ khuru được thọ nhận y Kathina.¹⁰ Mười hai tháng chỉ được phép thọ nhận y trong một tháng cuối mùa mưa, và trong một tháng đó chỉ chọn ra một ngày, có nghĩa là trong một năm chỉ được thọ nhận y Kathina một lần duy nhất. Ngoài thời gian này, việc cúng dường y chỉ gọi là y cà sa thông thường chứ không được gọi là y Kathina.

Tháng cuối cùng của mùa mưa là khoảng thời gian được thọ nhận y Kathina, tức là từ ngày mười sáu tháng Chín đến ngày Rằm tháng Mười âm lịch. Trong Pāli và Yết-ma Yếu Chi (Luật Tỳ khuru) đều đề cập cùng một thời gian là tháng Kattikā (âm là Ca-đề)¹¹, là tên tháng Mười một dương lịch, tháng Mười âm lịch¹², tức là lúc trăng tròn ở gần chòm sao Thất nữ (Kattikā hoặc Pleiades).¹³ Như vậy, việc cúng dường y cà sa đến chư tỳ khuru để các vị làm y Kathina chính là thiện pháp cúng dường đến Tăng chúng cao quý thì chắc hẳn phước báu sẽ được thù thắng với cả người thọ nhận và người cúng dường. Chính đó cũng là những đặc trưng riêng biệt của y Kathina mà không phải y cà sa nào cũng có được.

4. Nghi lễ dâng và thọ nhận y Kathina

Vinaya và các tài liệu khác cho biết, những thủ tục chính trong nghi lễ Kathina như sau: các thí chủ dâng y cà sa đến Tăng chúng, sau đó các vị tỳ khuru chọn ra một vị xứng đáng để nhận tấm y cà sa đó, chư tăng sẽ tiến hành tụng sự tuyên ngôn giao y Kathina cho vị tỳ khuru được chọn. Sau đó, vị tỳ khuru được chọn cùng với chư tỳ khuru tiến hành nghi thức thọ nhận y Kathina trong sự đồng hoan hỷ.

Ngày nay, các chùa theo truyền thống Nam tông vẫn giữ nguyên những thủ tục được đề cập trong Tạng Luật như là nét đặc trưng riêng biệt của lễ dâng y Kathina. Quy trình của lễ dâng y Kathina tại các chùa diễn ra như sau:

Các thí chủ tác bạch cúng dường y Kāṭhina đến chư tăng

Theo Chú giải, bất cứ là ai, có thể là một vị Thiên tử, một trong năm pháp hữu đồng phạm hạnh (tỳ khuru, tỳ khuru ni, học nữ, sa di, sa di ni) hoặc một người nào đó đều có thể cúng dường y Kāṭhina.¹⁴ Vị thí chủ mang y đến trước chư tỳ khuru tăng và tác bạch cúng dường y Kāṭhina. Sau khi tác bạch, thí chủ không cần dâng y tận tay mà chỉ đặt phên y Kāṭhina trước mặt chư tỳ khuru tăng; phên sự còn lại sẽ do chư tỳ khuru tăng thực hiện.

Chư tăng chọn một vị tỳ khuru xứng đáng để thọ y Kāṭhina

Theo Tạng Luật, vị tỳ khuru được chư tỳ khuru tăng chọn để đại diện thọ y Kāṭhina sẽ là vị trưởng lão cao hạ hoặc là vị đang có y rách, vị biết đầy đủ những yếu tố để làm thành tám y Kāṭhina. Theo các chùa Phật giáo Theravāda ở Việt Nam thì đa phần là vị trụ trì, trưởng lão sẽ đại diện chư tăng thọ y Kāṭhina hoặc là sẽ thay phiên tuần tự mỗi năm.

Tuyên ngôn tăng sự giao y đến vị tỳ khuru đã được chọn

Sau khi chư tỳ khuru tăng đã chọn ra một vị tỳ khuru xứng đáng và đủ các điều kiện để thọ y Kāṭhina rồi, chư tỳ khuru tăng cùng nhau tụ hội tại cương giới Sīmā để thực hiện tuyên ngôn Tăng sự (kammavācā). Tăng sự giao y này bắt buộc tối thiểu có phải năm vị tỳ khuru, trong đó có một vị để thọ y. Việc giao y cho vị tỳ khuru thọ y Kāṭhina cần phải thông qua tuyên ngôn Tăng sự bằng hình thức nhị bạch tuyên ngôn (ñattidutiyakamma) gồm một lần bố cáo (ñatti) và một lần biểu quyết (anusāvana).¹⁵

Chư tăng cùng nhau cắt và may y Kāṭhina trong ngày

Sau khi hoàn thành việc tuyên ngôn, vị tỳ khuru được thọ y cùng với sự trợ giúp của chư tỳ khuru tăng trong chùa cùng nhau cắt, may và nhuộm y để vị tỳ khuru ấy có thể hoàn thành việc thọ y Kāṭhina trước khi mặt trời mọc.

Phận sự của chư tỳ khuru cùng nhau giúp đỡ vị tỳ khuru được thọ y là một việc làm được Đức Thế Tôn ngợi khen. Ở thời Đức Thế Tôn tại thế, các thí chủ đa phần cúng dường một miếng vải để chư

tặng tự cắt may và thọ y theo ý muốn. Ngày nay, ngoài một số ít các chùa ở Myanmar, Thái Lan hoặc các chùa ở phương Tây theo truyền thống Dhammayuttanikāya còn giữ truyền thống tự cắt, may và nhuộm y; đa số các chùa khác đều được các thí chủ cúng dường y đã may sẵn.

Xả bỏ tấm y cũ

Trong giai đoạn may y, vị tỳ khuru có thể chọn một trong ba tấm vải để làm y Kathina. Ngày nay, đa phần các thí chủ sẽ dâng trọn bộ ba y để chư tăng tùy nghi lựa chọn cho phù hợp. Sau khi lựa chọn, vị tỳ khuru làm dấu hoại sắc tấm y bằng cách dùng bút viết khoanh một vòng tròn kích thước bằng mắt con công lần lượt ở bốn góc của tấm y cà sa và đọc ba lần: “Imaṃ bindukappaṃ karomi” với tác ý rằng “Tôi làm dấu y này”.¹⁶ Sau khi đã làm dấu hoại sắc xong, vị tỳ khuru cầm tấm y cà sa cũ lên và nguyện xả bỏ y đó. Việc xả bỏ y cũ phải được thực hiện trước khi thọ y mới.

Vị tỳ khuru muốn thọ y Kathina với tấm y saṅghāṭi thì nguyện xả y bằng cách cầm tấm y saṅghāṭi và đọc ba lần: “Imaṃ saṅghāṭiṃ paccuddharāmi (Tôi xả bỏ y saṅghāṭi này)”. Nếu đó là y vai trái thì đọc là: “Imaṃ uttarasaṅgaṃ paccuddharāmi (Tôi xả bỏ y vai trái này)” hoặc là y nội thì đọc là: “Imaṃ antaravāsakaṃ paccuddharāmi (Tôi xả bỏ y nội này)”.

Vị tỳ khuru chú nguyện tấm y mới

Sau khi đã xả bỏ tấm y cũ, vị tỳ khuru cầm tấm y mới và chú nguyện thành tấm y Kathina, lời chú được đọc ba lần. Nếu là y saṅghāṭi thì chú nguyện rằng: “Imaṃ saṅghāṭiṃ adhiṭṭhāmi (Tôi chú nguyện y saṅghāṭi này)”; nếu đó là y vai trái thì đọc là: “Imaṃ uttarasaṅgaṃ adhiṭṭhāmi (Tôi chú nguyện y vai trái này)”; hoặc là y nội thì đọc là: “Imaṃ antaravāsakaṃ adhiṭṭhāmi (Tôi chú nguyện y nội này)”.

Vị tỳ khuru tuyên bố thọ nhận tấm y Kathina mới

Sau khi chú nguyện, vị tỳ khuru tuyên bố thọ nhận tấm y Kathina. Nếu là y saṅghāṭi thì lời tuyên bố sẽ là: “Imāya saṅghāṭiyā

kaṭṭhinam attharāmi (Tôi thọ Kaṭṭhina bởi y saṅghāṭi này)”;¹⁷ nếu là y vai trái thì sẽ đọc thành lời rằng: “Iminā uttarasaṅgena kaṭṭhinam attharāmi (Tôi thọ Kaṭṭhina bởi y vai trái này)”;¹⁸ hoặc nếu là y nội thì đọc thành lời rằng: “Imāya antaravāsakena kaṭṭhinam attharāmi (Tôi thọ Kaṭṭhina bởi y nội này)”.

Lời kêu gọi chư tỳ khuru đồng tùy hỷ

Sau khi đã thọ y Kaṭṭhina mới, vị tỳ khuru đắp y chừa một bên vai phải, ngồi giữa chư tỳ khuru tăng, chấp tay lên đọc lời thỉnh mời chư tỳ khuru tăng nói lên lời hoan hỷ lễ thọ y Kaṭṭhina rằng: “Atthatam āvuso saṅghassa kaṭṭhinam, dhammiko kaṭṭhinatthāro, anumodātha (Bạch các hiền giả, y Kaṭṭhina của tăng đã xong, sự thọ lãnh Kaṭṭhina là hợp pháp, xin các ngài tùy hỷ việc ấy)”.

Chư tỳ khuru đồng tùy hỷ với vị tỳ khuru được thọ y Kaṭṭhina

Khi ấy, chư tỳ khuru đã hoàn thành ba tháng an cư mùa mưa tại trú xứ ấy, đồng tùy hỷ với việc thọ Kaṭṭhina rằng: “Atthatam bhante saṅghassa kaṭṭhinam, dhammiko kaṭṭhinatthāro, anumodāma (Bạch ngài, y Kaṭṭhina của tăng đã xong, sự thọ lãnh Kaṭṭhina là hợp pháp, chúng tôi tùy hỷ việc ấy)”.

Đó là những giai đoạn để thọ nhận và thọ y Kaṭṭhina theo luật định. Nếu vị tỳ khuru đã thọ y Kaṭṭhina đúng pháp và chư tỳ khuru đồng hoan hỷ, các vị đều được hưởng năm điều lợi ích như nhau.

5. Lợi ích của y Kaṭṭhina

Theo như Mahāvagga, Đức Thế Tôn cho phép chư tỳ khuru được hưởng năm quả báu như sau: Ra đi không phải trình báo; ra đi không mang theo đủ ba y; thọ thực thành nhóm; được sử dụng nhiều y theo nhu cầu; sự phát sanh y nơi ấy sẽ thuộc về vị ấy.¹⁸

Theo Luật tứ phần, sau khi thọ y công đức, chư tỳ khuru sẽ được hưởng năm điều lợi ích như: Được cất giữ y dư¹⁹; ngủ xa lìa y²⁰; ăn biệt chúng²¹; lần lượt ăn²²; trước bữa ăn và sau bữa ăn nếu có việc đi vào xóm làng được phép không cần dặn hay báo cho vị tỳ khuru khác biết.^{23,24} Trong Luật ngũ phần, năm điều lợi ích sau khi thọ y công đức cũng tương tự như vậy.²⁵

So sánh hai bộ Luật Bắc truyền với Luật Vinaya có thể nhận thấy sự khác biệt, về điều lợi ích thứ năm theo truyền thống Vinaya Pāli thì bên Luật Bắc truyền không đề cập đến, mà thay vào đó là việc được phép ăn nhiều lần (triển chuyên thực). Mặc dù có sự khác biệt, nhưng mục đích của Đức Thế Tôn cho phép chư tỳ khuru được hưởng năm điều lợi ích sau khi thọ y Kathina hoặc y công đức đúng pháp là để chư tỳ khuru tránh phạm phải những điều học giới. Điều này được giải thích trong *Yết ma Yếu Chi* (Luật Tỳ khuru) : “Năm điều lợi này là những sự nói rộng một số các điều khoản Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề và Ba-dật-đề, để các tỳ kheo dễ dàng trong việc cắt và sắm y mới thay cho các y cũ đã rách, hoặc dễ dàng trong việc đi lại thăm viếng sau ba tháng an cư mùa mưa”.²⁶

Sự cúng dường y Kathina đến chư tăng mang lại quả báu cho các vị tỳ khuru và cả thí chủ cúng dường. Tuy nhiên, sau khi y Kathina được thành tựu thì năm quả báu phát sanh đến chư tỳ khuru được Đức Thế Tôn giảng dạy rõ ràng, còn đối với thí chủ cúng dường y Kathina không được đề cập trong các văn bản Pāli và ngay cả trong các Chú giải (Aṭṭhakathā) và Sớ giải (Tīkā). Đức Thế Tôn không thuyết giảng về lợi ích của Kathina cho người thí chủ nhưng Ngài đã thuyết giảng nhiều những quả báu của việc cúng dường đến tăng, việc cúng dường y phục... Tuy nhiên, theo truyền thống Phật giáo, làm việc thiện thì chắc chắn sẽ đem đến quả an vui, kết quả tốt đẹp. Đức Thế Tôn đã dạy trong kinh Pháp cú rằng: “Nếu người làm điều thiện / Nên tiếp tục làm thêm / Hãy ước muốn điều thiện / Chứa thiện, được an lạc”.²⁷

Trong *Thắng Pháp Tập Yếu Luận* nói rằng: Quả phát sanh nên tương ứng với thiện nghiệp đã tạo.²⁸ Vì vậy, việc thiện do các thí chủ đã cúng dường y Kathina đến chư tỳ khuru tăng là một thiện nghiệp thuộc về thiện dục giới và chắc chắn rằng sẽ được trở quả an lạc tương ứng là quả dục giới. Đây chính là quy luật tự nhiên của nghiệp.

Lại nữa, như đã đề cập ở trên, y Kathina không phải cúng dường cho cá nhân nào mà là được cúng dường đến hội chúng Tăng đoàn. Do đó, việc cúng dường y Kathina này cũng mang đến nhiều lợi

ích, phước báu, đó là phước báu do cúng dường và phước báu cúng dường đến tăng. Theo *Tăng chi bộ kinh*, có năm lợi ích của việc bố thí là: được nhiều người thương mến; được bậc thiện trí thân cận; danh thơm tiếng tốt loan truyền; không đi trái với đạo đức người cư sĩ; sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào nhân cảnh thiên giới.²⁹ Người thí chủ, trước khi bố thí, tâm của vị ấy hoan hỷ, rồi đang khi làm cũng hoan hỷ, sau khi làm xong, nghĩ lại việc thiện mình làm lại hoan hỷ thêm.³⁰ Như vậy, cả ba thời, tâm vị ấy luôn sống trong hoan hỷ với thiện nghiệp mình tạo, gọi là tam tư đầy đủ, chắc chắn phước báu sẽ sanh nơi vị ấy được an lạc.³¹

Kết luận

Tóm lại, việc cúng dường y Kathina của thí chủ và việc thọ y Kathina của Tăng đoàn đều mang đến nhiều lợi ích, phước báu đến cả hai hội chúng tu sĩ xuất gia và cư sĩ tại gia. Việc thọ y Kathina đem đến cho các vị tỷ khưu cơ hội được thoát khỏi việc phạm tội bốn học giới mà Đức Thế Tôn đã quy định trong Luật và còn được thọ nhận những y phục phát sanh trong lễ dâng y. Và những phước báu đặc trưng phát sanh đến cho những thí chủ đã cúng dường y Kathina còn rộng lớn hơn nữa, vì đó là bố thí đến tăng, bố thí hợp thời, bố thí của bậc trí... vì thế, phước báu thật là vô lượng. Đó cũng là nguyên nhân lễ cúng dường y Kathina luôn đòi hỏi nhiều điều kiện để tạo ra những phước báu một cách vững chắc và bền lâu. Hơn thế nữa, việc cúng dường y Kathina còn giúp người thí chủ dứt bỏ lòng tham lam, diệt trừ bòn xén, nuôi dưỡng trong thân tâm một đức hạnh bố thí cao thượng. Và cũng từ đó, thí chủ có thể từng bước tu tiến để chứng đắc được Đạo - Quả và Niết bàn (Nirvana hoặc Nibbāna) theo như ý nguyện./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Indacanda (dịch, 2009), *Mahāvaggapāli – Đại Phẩm*, Tập 1, Buddhist Cultural Centre, Sri Lanka, tr. 111.
- 2 Indacanda (dịch, 2009), *Mahāvaggapāli – Đại Phẩm*, Tập 1, Buddhist Cultural Centre, Sri Lanka, tr. 111.

- 3 Rhys Davids T.W., William Steden (eds., 1952), *Pāli - English Dictionary*, PTS, London: 196.
- 4 Tỷ khuru Bửu Chơn (2016), *Từ Điển Pāli – Việt*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 99.
- 5 Anumodanā (tùy hỷ) là những vị tỷ khuru đồng an cư ba tháng mùa mưa nhưng không được Tăng chọn để đại diện Tăng thọ y Kathina, các vị chỉ được tùy hỷ với việc thọ y hợp pháp của vị tỷ khuru thọ y. Tuy vậy, quả báu phát sanh đến vị tỷ khuru thọ y và vị tùy hỷ đồng đều như nhau.
- 6 Tỷ khuru Hộ Tông (1993), *Luật Xuất Gia Tóm Tắt – Pabbajjavīnayasāṅkhepa*, Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 472.
- 7 Vị thí chủ có đức tin muốn cúng dường đến vị tỷ khuru và tác bạch rằng: “Con xin cúng dường bốn món vật dụng, nếu Đại đức cần dùng món chi, xin cho con biết, con sẽ dâng cúng”. Khi được ngỏ lời như vậy, vị tỷ khuru cần món nào thì có thể yêu cầu thí chủ hộ độ.
- 8 Minh Thế (dịch, 2017), *Kathina Xiển Minh*, Lưu hành nội bộ, tr. 144.
- 9 Thích Đồng Minh (dịch), Thích Tuệ Sỹ (hiệu chính và chú thích) (2019), *Luật Từ Phần*, Tập 2, Nxb. Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 1447.
- 10 Indacanda (dịch, 2010), *Parivārapāli – Tập Yếu*, Tập 2, Buddhist Cultural Centre, Sri Lanka, tr. 181.
- 11 Thích Trí Thủ (giảng thuật), Thích Đồng Minh và Thích Nguyên Chứng (biên tập) (2014), *Yết-ma Yếu Chỉ*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr. 287.
- 12 Tỷ-khuru Giác Giới (2013), *Học Tiếng Pāli*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 95.
- 13 Malalasekera G.P. (1974), *Dictionary of Pāli Proper Names*, Vol. 1, PTS, London, tr. 504.
- 14 Takakusu, J; Nagai, Makoto (eds., 1998), *Samantapāsādikā – Buddhaghosa’s Commentary on the Vinaya Piṭaka*, Vol. 5, PTS, London: 1108.
- 15 Indacanda (dịch, 2009), *Mahāvaggapāli – Đại Phẩm*, Tập 1, Buddhist Cultural Centre, Sri Lanka, tr. 113.
- 16 Oldenberg, Hermann (ed., 1993), *The Vinaya Piṭakam*, Vol. 4, The Suttavibhaṅga, Second Part (End of the Mahāvibhaṅga, Bhikkhunīvibhaṅga), PTS, Oxford: 120
- 17 Oldenberg, Hermann (ed., 1982), *The Vinaya Piṭakam*, Vol. 5, The Parivāra, PTS, Oxford: 178.
- 18 Indacanda (dịch, 2009), *Mahāvaggapāli – Đại Phẩm*, Tập 1, Buddhist Cultural Centre, Sri Lanka, tr. 111.
- 19 Súc trường y, điều học Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề thứ nhất.
- 20 Ngũ lia y, điều học Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề thứ hai.
- 21 Biệt chúng thực, điều học Ba-dật-đề thứ ba mươi ba.
- 22 Triển chuyên thực, điều học Ba-dật-đề thứ ba mươi hai.

- 23 Trước sau bữa ăn đi đến nhà khác không báo, điều học Ba-dật-đề thứ bốn mươi hai.
- 24 Thích Đồng Minh (dịch), Thích Tuệ Sỹ (hiệu chính và chú thích) (2019), *Luật Tỳ Phẩn*, Tập 2, Nxb. Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 1446.
- 25 Thích Đồng Minh (dịch), Thích Đức Thắng và Thích Tâm Nhân (hiệu chính và phụ chú) (2019), *Di-sa-tắc Bộ Hòa Hê - Ngũ Phần Luật*, Tập 2, Nxb. Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 268.
- 26 Thích Trí Thủ (giảng thuật), Thích Đồng Minh và Thích Nguyên Chứng (biên tập) (2014), *Yết-ma Yếu Chỉ*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr. 282.
- 27 Thích Minh Châu (dịch, 2015), *Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền – Kinh Tiểu Bộ*, Tập 1, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 58.
- 28 Tỳ khuru Tịnh Sự (biên soạn, 2019), *Vô Tỷ Pháp Tập Yếu*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr. 328.
- 29 Thích Minh Châu (dịch, 2015), *Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền – Kinh Tăng Chi Bộ*, Tập 1, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 639.
- 30 Thích Minh Châu (dịch, 2015), *Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền – Kinh Tăng Chi Bộ*, Tập 2, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 73.
- 31 Thích Minh Châu (dịch, 2015), *Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền – Kinh Tiểu Bộ*, Tập 1, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 43.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thích Minh Châu (dịch, 2015), *Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền – Kinh Tiểu Bộ*, Tập 1, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
2. Thích Minh Châu (dịch, 2015), *Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền – Kinh Tăng Chi Bộ*, Tập 1, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Thích Minh Châu (dịch, 2015), *Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền – Kinh Tăng Chi Bộ*, Tập 2, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
4. Tỳ khuru Bửu Chơn (2016), *Từ Điển Pāli – Việt*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Tỳ khuru Giác Giới (2013), *Học Tiếng Pāli*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Indacanda (dịch, 2009), *Mahāvaggapāli – Đại Phẩm*, Tập 1, Buddhist Cultural Centre, Sri Lanka.
7. Indacanda (dịch, 2010), *Parivārapāli – Tập Yếu*, Tập 2, Buddhist Cultural Centre, Sri Lanka.
8. Malalasekera G.P. (1974), *Dictionary of Pāli Proper Names*, Vol. 1, PTS, London.
9. Minh Thích Đồng (dịch), Thích Đức Thắng và Thích Tâm Nhân (hiệu chính và phụ chú) (2019), *Di-sa-tắc Bộ Hòa Hê - Ngũ Phần Luật*, Tập 2, Nxb. Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Thích Đồng Minh (dịch), Thích Tuệ Sỹ (hiệu chính và chú thích) (2019), *Luật Tỳ Phẩn*, Tập 2, Nxb. Hồng Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Oldenberg, Hermann (ed., 1982), *The Vinaya Piṭakam*, Vol. 5, The Parivāra, PTS, Oxford.
12. Oldenberg, Hermann (ed., 1993), *The Vinaya Piṭakam*, Vol. 4, The Suttavibhaṅga, Second Part (End of the Mahāvibhaṅga, Bhikkhunīvibhaṅga), PTS, Oxford.
13. Rhys Davids T.W., William Steden (eds., 1952), *Pāli - English Dictionary*, PTS, London.
14. Tỳ khưu Tịnh Sự (biên soạn, 2019), *Vô Tỷ Pháp Tập Yếu*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
15. Takakusu, J; Nagai, Makoto (eds., 1998), *Samantapāsādikā - Buddhaghosa's Commentary on the Vinaya Piṭaka*, Vol. 5, PTS, London.
16. Minh Thế (dịch, 2017), *Kaṭhina Xiển Minh*, Lưu hành nội bộ.
17. Thích Trí Thủ (giảng thuật), Thích Đồng Minh và Thích Nguyên Chứng (biên tập) (2014), *Yết-ma Yếu Chỉ*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
18. Tỳ khưu Hộ Tông (1993), *Luật Xuất Gia Tóm Tắt - Pabbajjavinayasāṅkhepa*, Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Abstract

KATHINA CEREMONY OF THERAVADA BUDDHISM

Nguyen Hoang Phuc
Trúc Lâm Buddhist Temple,
Ho Chi Minh City

The Kaṭhina ceremony of offering robes to the monks was started from the Buddha's time and has been maintained to this date. It has been one of the important festivals of Theravada Buddhism. Although there are some changes to suit contemporary society, the Kaṭhina ceremony has been in accordance with the rules recorded in the Vinaya (the Buddhist canon). In this article, the author focuses on the origin, meaning, and characteristics of the Kahina ceremony and the ritual of offering robes.

Keywords: Kaṭhina; Theravada Buddhism; offering robes.